

HƯỚNG DẪN

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” năm 2021

Thực hiện Thông tư 06/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ Tư pháp quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp tư pháp” (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2018/TT-BTP) và Công văn số 1186/BTP-TĐKT ngày 20/4/2021 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” (Sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương), Sở Tư pháp Quảng Bình hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” năm 2021 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT TẶNG

1. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng kỷ niệm chương đối với các cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp

1.1. Lãnh đạo Sở Tư pháp được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ một trong các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 05 năm đối với cấp trưởng, 08 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định;

b) Cá nhân công tác tại các ngành khác được điều động về ngành Tư pháp để bổ nhiệm các chức vụ quy định tại điểm a khoản này thì được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ trong ngành Tư pháp tối thiểu 06 năm đối với cấp trưởng, 09 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định;

Trong đó:

- Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo thì thời gian giữ các chức vụ để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương quy định tại các điểm a, b Tiêu mục 1.1 nêu trên được giảm 02 năm so với quy định chung.

- Cá nhân có thời gian giữ chức vụ nhưng không đủ thời gian để đề nghị xét tặng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ thấp hơn liền kề.

1.2. Cá nhân đã và đang công tác tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định.

1.3. Cá nhân công tác trong các ngành, tổ chức khác chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang làm công tác tư pháp tại các ngành, tổ

chức khác được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, có đủ 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong ngành Tư pháp và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng kỷ niệm chương đối với các cá nhân làm nhiệm vụ liên quan đến công tác tư pháp

2.1. Cá nhân đang công tác tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Luật sư; Công chứng viên làm việc tại các Văn phòng Công chứng; Đấu giá viên làm việc tại các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản; Giám định viên Tư pháp, Thừa phát lại, Quản tài viên, Hòa giải viên thương mại, Trọng tài viên được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nam, có đủ 17 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nữ.

2.2. Cá nhân là Hòa giải viên ở cơ sở được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 10 năm trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố hoặc có đủ 08 năm trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải và có thành tích xuất sắc được khen thưởng từ 03 Giấy khen hoặc 01 Bằng khen của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác hoà giải. Đối với Hòa giải viên nữ thì thời gian làm công tác hòa giải quy định tại khoản này được giảm 02 năm. Trong đó:

- Mốc thời gian là điều kiện có đủ 10 năm trở lên hoặc có đủ 08 năm trở lên được xác định trên cơ sở quyết định công nhận là Tổ trưởng tổ hòa giải hoặc là Hòa giải viên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH10 ngày 25/12/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở (Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH10), Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày 18/10/1999 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính Phủ và Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

- Việc xem xét điều kiện liên tục, trực tiếp làm công tác hòa giải ở cơ sở phải căn cứ vào kết quả vụ, việc đã thực hiện của hòa giải viên được thống kê hàng năm theo quy định tại Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH10, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và Quyết định số 889/QĐ-BTP ngày 21/4/2014 của Bộ Tư pháp ban hành mẫu Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với các cá nhân khác có công lao đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp Việt Nam

3.1. Cá nhân công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các trường hợp:

- a) Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- b) Cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội

tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ đủ 01 nhiệm kỳ trở lên.

3.2. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có công lao, thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Tư pháp, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

3.3. Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành Tư pháp; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

II. CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐƯỢC XÉT TẶNG, CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Các trường hợp chưa được xét tặng Kỷ niệm chương

1.1. Cá nhân chưa được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật, hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ.

1.2. Cá nhân có đủ thời gian công tác quy định tại các tiểu mục 1.1, 1.2, 1.3 Mục 1 và Mục 2 của Hướng dẫn này nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc hoặc dưới mức khai trừ Đảng, chỉ được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sau 01 năm tính từ thời điểm có quyết định xóa kỷ luật hoặc hết thời hiệu xử lý kỷ luật Đảng. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

2. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương

2.1. Cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện thuộc các đối tượng quy định tại Mục 1, Mục 2 và Tiểu mục 3.1 Mục 3 của Hướng dẫn này, không được xét tặng Kỷ niệm chương khi bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị khai trừ Đảng.

2.2. Cá nhân đã được tặng Huy chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” thì không xét tặng Kỷ niệm chương.

III. CÁCH TÍNH THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được công nhận là Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định khen thưởng.

2. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao của ngành Tư pháp và của Nhà nước được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn thời gian quy

định tùy thuộc vào danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng cao nhất đã được xét tặng như sau:

- a) “Huân chương Lao động” các hạng được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 05 năm;
- b) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 03 năm;
- c) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp”, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 02 năm.

3. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp ở các tỉnh, huyện, xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,2 đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,5 và được nhân với hệ số 1,5 đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 hoặc 1,0 để tính thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc tính thời gian làm công tác tư pháp để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

4. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn thì thời gian công tác trong ngành hoặc làm công tác tư pháp để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được tính từ thời điểm được tuyển dụng.

IV. THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

1. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương

Căn cứ đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Tư pháp Quảng Bình có trách nhiệm xét, lập hồ sơ để Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định.

Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thống kê và đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các đối tượng trên địa bàn của mình.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

2.1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường: Áp dụng đối với các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Mục 1, Mục 2 và Điểm b Tiểu mục 3.1 và Tiểu mục 3.3 Mục 3 phần I của Hướng dẫn này; hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của đơn vị theo mẫu số 01, kèm theo Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP (đối với các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn tại Mục 1 và Mục 2 Phần I), Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2A ban hành theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP (đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điểm b Tiểu mục 3.1 Mục 3 Phần I), Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2B ban hành theo Thông tư số 06/2018/TT-

BTP (đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Tiểu mục 3.3 Mục 3 Phần I).

b) Bản tóm tắt thành tích, quá trình công tác của cá nhân được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (*có nêu hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian xét tặng Kỷ niệm chương*) có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý cán bộ đối với cá nhân đang công tác; có xác nhận của cơ quan quản lý ra quyết định nghỉ hưu đối với cá nhân đã nghỉ hưu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP (đối với đối tượng quy định tại Mục 1 và Mục 2 Phần I), Bản tóm tắt công lao, thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam theo Mẫu số 3A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP (đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điểm b Tiểu mục 3.1 và Tiểu mục 3.3 Mục 3 Phần I); Quyết định công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải nếu cá nhân được đề nghị là Tổ trưởng, Quyết định công nhận Hòa giải viên của Tổ hòa giải nếu cá nhân là hòa giải viên (đối với đối tượng quy định tại Tiểu mục 2.2 Mục 2 Phần I) và Bản tóm tắt quá trình công tác của cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP phải có nội dung thống kê về tổng số vụ việc thực hiện từng năm của hòa giải viên trong khoảng thời gian là điều kiện để xét khen thưởng trên cơ sở vụ việc đã được thống kê tại Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở, có chữ ký xác nhận của Tổ trưởng tổ hòa giải và Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị.

d) Bản chụp quyết định khen thưởng, quyết định kỷ luật của cá nhân thuộc các đối tượng quy định tại Tiểu mục 2.2 Mục 2 Phần I và Mục 1, 2, 3 Phần III.

2.2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản: *Áp dụng đối với các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điểm a Tiểu mục 3.1 và Tiểu mục 3.2 Mục 3 Hướng dẫn này;* hồ sơ được lập thành 02 bộ, bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng của các đơn vị theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP.

b) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP đối với đối tượng quy định tại Điểm a Tiểu mục 3.1 Mục 3 Phần I của hướng dẫn;

c) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 4B ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTP và văn bản nhận xét của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Tiểu mục 3.2 Mục 3 Hướng dẫn này.

Các mẫu kèm theo Hướng dẫn này và được đăng tải trên Website của Sở Tư pháp Quảng Bình: <http://stp.quangbinh.gov.vn> (Mục Văn bản Chỉ đạo, điều hành).

3. Thời gian nộp hồ sơ xét tặng Kỷ niệm chương

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” của cá nhân cơ quan, tổ chức, đơn vị mình về Sở Tư pháp chậm nhất ngày 28/5/2021 để tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở

xét, lập hồ sơ đề Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”. Nếu sau thời gian quy định trên mà đơn vị không gửi hồ sơ thì Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Tư pháp không xét đề nghị trong đợt này.

Lưu ý: Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương gửi về Sở Tư pháp (qua Văn phòng Sở) đồng thời gửi qua địa chỉ Email: stp@quangbinh.gov.vn.

Trên đây là Hướng dẫn đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” năm 2021 của Sở Tư pháp Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan;
- Lãnh đạo Sở;
- Các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Trần Chí Tiến